

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1117/BC-SNN

Tuyên Quang, ngày 03 tháng 6 năm 2015

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị quyết số 48 của Chính phủ về cơ chế, chính sách giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản

Thực hiện văn bản số 3852/BNN-CB ngày 20/5/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; văn bản số 1343/UBND-NLN ngày 25/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc báo cáo tình hình 5 năm thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 23/9/2009 của Chính phủ về cơ chế, chính sách giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang báo cáo tình hình thực hiện như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Tình hình triển khai:

- Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15/10/2010 về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản; Quyết định số 65/2011/QĐ-TTg ngày 02/12/2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15/10/2010 và Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp; các Bộ, ngành ban hành các Thông tư hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo UBND các huyện, thành phố tổ chức tuyên truyền, phổ biến các Quyết định, Thông tư trên đến các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trên địa bàn biết và thực hiện quyền được hưởng lợi từ chính sách của Thủ tướng Chính phủ.

- Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị ban hành Hướng dẫn số 1589/HD-SNN ngày 28/9/2012 về thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản theo Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15/10/2010 và Quyết định số 65/2011/QĐ-TTg ngày 02/12/2011; Kế hoạch số 1539/KH-SNN ngày 25/8/2014 để triển khai thực hiện Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

- Định kỳ hàng năm thực hiện rà soát, hướng dẫn đăng ký vay vốn đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ trong sản xuất nông nghiệp và kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT đúng quy định.

2. Kết quả thực hiện:

- Tính đến thời điểm ngày 31/12/2014, tổng các loại máy, thiết bị phục vụ phục vụ trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh có: 33.640 chiếc, tăng 16.694 chiếc so với năm 2010. (Trong đó: Máy làm đất 12.672, tăng 5.498 chiếc; các loại máy, thiết bị khác: 20.968 chiếc, tăng 11.196 chiếc).

- Mức độ cơ giới hóa các khâu sản xuất đối với các loại cây trồng năm 2014 trên địa bàn toàn tỉnh đạt 33,6 % (tăng 6,7% so với năm 2012). Nhìn chung, mức độ cơ giới hóa ở một số khâu sản xuất còn thấp, không đồng đều giữa các loại cây trồng. Cụ thể:

+ Mức độ cơ giới hóa ở các khâu sản xuất: Khâu làm đất 71%; khâu chăm sóc 70 %; khâu thu hoạch 38 %; khâu gieo cấy 6 % diện tích gieo trồng.

+ Mức độ cơ giới hóa ở khâu làm đất đối với các loại cây trồng: Cây lúa 89 %; Cây ngô 70,4 %; Cây đậu tương 65%; Cây mía 30 %; Cây chè 3,4 %;

- Kết quả vay vốn:

+ Số vốn vay được hỗ trợ lãi suất theo Quyết định số 63/2010/TTg và Quyết định số 65/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: 272.500.000 đồng.

+ Số tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được vay vốn hỗ trợ lãi suất tiền vay: 10 hộ

+ Số lượng, chủng loại máy móc, thiết bị được vay vốn hỗ trợ lãi suất: 10 máy làm đất, công suất từ 12 đến 15 mã lực.

Tính đến hết tháng 4/2014 trên địa bàn tỉnh chưa có tổ chức, cá nhân, hộ gia đình vay vốn để mua máy, thiết bị theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được:

- Trong những năm gần đây, số lượng máy móc, thiết bị phục vụ trong sản xuất nông nghiệp được các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình quan tâm đầu tư, số lượng máy, thiết bị tăng nhanh qua các năm (tăng 16.694 chiếc so với năm 2010). Mức độ cơ giới hóa trong các khâu sản xuất đối với các cây trồng được cải thiện rõ rệt, nhất là đối với cây lúa, ngô.

- Việc ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đã giải phóng được sức lao động thủ công của con người trong các khâu nặng nhọc như: làm đất, thu hoạch, vận chuyển, giúp người dân đảm bảo thời vụ, tăng hệ số sử dụng đất, mở rộng được diện tích canh tác, đáp ứng được nhu cầu sản xuất qui mô lớn; tiết kiệm được giống, phân bón, cải thiện chất lượng nông sản, hạn chế ảnh hưởng của thời tiết, khí hậu....Nâng cao được năng suất lao động, hiệu quả kinh tế trên cùng đơn vị diện tích, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người dân khu vực nông thôn. Góp phần thực hiện thành công Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới và công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Các loại máy thu hoạch, chế biến và bảo quản sau thu hoạch đã góp phần giảm tổn thất trong nông nghiệp, gia tăng chất lượng và giá trị của sản phẩm, từng

bước chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang lao động phi nông nghiệp. Đồng thời, tạo điều kiện cho người dân khu vực nông thôn có nhiều cơ hội được tiếp cận với khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới trong sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm.

2. Tồn tại, hạn chế:

- Số tổ chức, cá nhân, hộ gia đình được vay vốn hỗ trợ lãi suất tiền vay đầu tư máy móc, thiết bị nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản còn thấp so với nhu cầu của nhân dân.

- Mức độ cơ giới hóa ở các khâu sản xuất chưa đồng bộ, mới chỉ tập trung chủ yếu ở khâu làm đất, các khâu khác như: gieo cấy, thu hoạch mức độ cơ giới hóa còn thấp, lao động thủ công vẫn là chủ yếu.

- Tại một số địa phương (Chiêm Hóa, Na Hang, Lâm Hình), địa hình đồi núi dốc, không bằng phẳng, cơ sở hạ tầng nông thôn chưa phát triển, diện tích sản xuất nhỏ hẹp, phân tán gây khó khăn trong việc di chuyển nội đồng và tác nghiệp trên thực địa, đặc biệt ở khâu thu hoạch dẫn tới năng suất thấp, chi phí nhiều nhân công, hao mòn máy móc, thiết bị lớn. Do đó ảnh hưởng đến việc ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp.

- Số lao động nông thôn chưa qua đào tạo nghề, dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa máy nông nghiệp khu vực nông thôn kém phát triển, ứng dụng cơ giới hóa tại một số vùng chưa hiệu quả, chưa phát huy hết công năng, tác dụng của máy dẫn tới năng suất lao động đạt thấp, chi phí sản xuất cao, thu hồi vốn chậm.

3. Nguyên nhân:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến tại một số cấp chính quyền cơ sở còn nhiều hạn chế, chưa được quan tâm đúng mức, quá trình triển khai thực hiện còn lúng túng, chưa kết hợp, lồng ghép công tác tuyên truyền, phổ biến vào các hội nghị tại thôn, bản dẫn đến người dân không nắm được chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch của Thủ tướng Chính phủ.

- Tại một số khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh, thu nhập từ sản xuất nông nghiệp của người dân còn thấp nên khả năng đầu tư máy, thiết bị cơ giới hóa ở khâu thu hoạch, chế biến và bảo quản sau thu hoạch còn gặp nhiều khó khăn.

- Việc quy định máy móc, thiết bị được hưởng chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15/10/2010 và Quyết định số 65/2011/QĐ-TTg ngày 02/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phải có giá trị sản xuất trong nước lớn hơn 60%, trong khi phần lớn người dân ưa chuộng máy làm đất công suất nhỏ được nhập khẩu từ Trung Quốc, Nhật Bản vì máy có độ bền cao, sử dụng, vận hành dễ dàng, phù hợp với địa hình đồng ruộng và điều kiện kinh tế của người dân khu vực miền núi. Vì vậy khi người dân đầu tư các loại máy, thiết bị ngoại nhập không được vay vốn hỗ trợ lãi suất.

4. Biện pháp khắc phục:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến; thường xuyên rà soát, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tiếp cận nguồn vốn được hỗ trợ lãi

suất theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

- Thông báo kịp thời danh mục, chủng loại máy, thiết bị được hưởng chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp đến các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình theo quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Bố trí lồng ghép các nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ của nhà nước để xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng nông thôn tạo điều kiện thuận lợi cho tưới tiêu, vận hành các thiết bị cơ giới hóa phục vụ sản xuất nông nghiệp; Hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm, từng bước ổn định đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp.

- Định kỳ kiểm tra, đánh giá và báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh theo quy định.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hỗ trợ:

- Mô hình máy, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp tiên tiến, phù hợp với đặc điểm, điều kiện địa hình của địa phương.

- Chuyển giao khoa học, công nghệ mới trong chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch.

- Tiếp tục hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn vệ sinh lao động trong sản xuất nông nghiệp và ngành nghề nông thôn.

Trên đây là báo cáo tình hình 5 năm thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 23/9/2009 của Chính phủ về cơ chế, chính sách giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trân trọng báo cáo./. NT

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT; (Báo cáo)
- UBND tỉnh; (Báo cáo)
- Lãnh đạo Sở;
- Chi cục PTNT;
- Lưu VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Hoàng Yến